

Học kỳ: Học kỳ Hè - Năm học 2017-2018
Term (1734)

Lớp: 0200 (1083)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2150287	Đào Nguyễn Phương	Anh	8,0	8,0	6,7	
2	2161050	Ngô Phối	Ăn	8,0	10,0	8,0	
3	2174639	Trần Hồng	Ăn	8,0	10,0	8,0	
4	2151373	Trần Linh	Ăn	4,0	10,0	5,0	
5	2150271	Nguyễn Ngọc	Bích	4,0	9,0	7,7	
6	2150267	Vũ Ngọc Kim	Châu	8,0	10,0	7,3	
7	2142576	Huỳnh Tổ	Doanh	2,0	10,0	7,0	
8	2150257	Nguyễn Thành	Đạt	8,0	10,0	8,3	
9	2170209	Trần Thanh Ngọc	Hạnh	8,0	10,0	6,3	
10	2175735	Dương Gia	Hân	10,0	10,0	6,3	
11	2174793	Lại Phúc	Hậu	10,0	9,0	7,7	
12	2141690	Lê An	Kỳ	4,0	10,0	9,3	
13	2152141	Nguyễn Nhật	Kỳ	4,0	10,0	7,7	
14	2173814	Phạm Nguyễn Thị Diệu	Linh	4,0	10,0	7,3	
15	2141187	Lâm Phước	Lộc	2,0	9,0	8,0	
16	2161743	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	0,0	Vắng	Vắng	
17	2135377	Lê Bảo	Ngân	0,0	Vắng	Vắng	
18	2161171	Lê Thị Như	Ngọc	4,0	10,0	8,0	
19	2152008	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	2,0	9,0	5,7	
20	2141028	Văn Hồng	Ngọc	4,0	10,0	7,3	
21	2143097	Nguyễn Khánh Minh	Nhật	8,0	10,0	6,3	
22	2151996	Ngô Hoài	Phong	6,0	10,0	7,0	
23	2175087	Kim Minh	Quang	8,0	9,0	7,0	
24	2160506	Nguyễn Lê Bảo	Quang	2,0	10,0	7,7	
25	2170228	Lê Thị Thanh	Quý	8,0	9,0	8,3	
26	2152892	Nguyễn Minh	Tấn	10,0	7,0	7,7	
27	2170274	Trần Minh	Tấn	10,0	10,0	8,3	
28	2142473	Diệp Tuấn	Thành	6,0	10,0	6,7	
29	2151975	Trương Hoài	Thư	4,0	8,0	7,3	
30	2143064	Nguyễn Đỗ Minh	Trâm	6,0	10,0	6,0	
31	2001219	Huỳnh Hoàng	Trí	8,0	10,0	8,7	
32	2143395	Nguyễn Thị Minh	Tú	10,0	9,0	6,0	
33	2152968	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	4,0	10,0	7,0	
34	2171678	Vũ Thị Thu	Xuân	6,0	10,0	5,7	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng